

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **133/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-8-2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Đức Anh**

Bà **Trần Thị Kim Tân**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** Bà **Nguyễn Phương Dung**

Vào ngày 25/8/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

ĐKTT: ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Văn T**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

ĐKTT: ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N** trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện chị và anh **Ngô Văn T** chung sống với nhau năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của anh chị.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh **Toàn** không nghe vợ con cho nên vợ chồng dẫn đến mâu

thuần. Chị và anh Toàn ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn T

Về con chung: Chị và anh Ngô Văn T có 01 con chung là Ngô Văn Tiến, sinh ngày 28/5/1998, hiện nay em Ngô Văn Tiến đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, chị và anh Ngô Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Bị đơn anh Ngô Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: hiện con chung, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm biên bản lấy lời khai đương sự, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, biên bản xác minh nơi cư trú đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh Toàn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Toàn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: chị N và anh Toàn có 01 con chung là Ngô Văn Tiến, sinh ngày 28/5/1998, Hiện em Tiến đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết

Về tài sản chung: chị N khai tự thỏa thuận nên không giải quyết

Nợ chung: anh chị khai không có nên không giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Ngô Văn T, do đó xác định chị N là nguyên đơn, anh Toàn là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt chị N và anh Toàn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn T. Chị N cho rằng, Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Toàn không nghe vợ con cho nên vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn. Chị và anh Toàn ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh Toàn đồng ý ly hôn với N. Ngoài ra tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh Toàn tại Ban áp 1, xã X, huyện L, tỉnh Đ được biết hiện nay anh Ngô Văn T có đăng ký thường trú tại tổ 4, ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Đ và có mặt thường xuyên ở nhà; Về mâu thuẫn vợ chồng Ban áp không nắm được vì không nhận được đơn xin hòa giải, hiện nay chị N không còn ở trong nhà của anh Toàn đã lâu. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Toàn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn T có 01 con chung là Ngô Văn Tiến, sinh ngày 28/5/1998. Hiện nay em Ngô Văn Tiến đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

[5] Tài sản chung: Chị N và anh Toàn không có đơn yêu cầu xem xét giải quyết, nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn T trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- **Tuyên xử:**

1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Ngô Văn T

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số OI/89 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/3/1998 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006524 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

